

Số: **4039** /STC-QLG&CS

Quảng Trị, ngày **02** tháng **11** năm 2021

V/v Đề nghị đăng tải thông tin
để lấy ý kiến góp ý văn bản
quy phạm pháp luật.

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh


Ngày 26/12/2014, UBND tỉnh có Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND về việc quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ các Nghị định: Số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013, số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016, số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013, số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ; Các Thông tư: Số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2021, số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016, số 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 và số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 130/UBND-NC ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc phân công xây dựng văn bản QPPL năm 2021


Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị cho phù hợp với quy định hiện hành (đã báo cáo xin UBND tỉnh cho phép chuyển đổi nội dung từ xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung sang xây dựng Quyết định thay thế tại Công văn số 3555/STC-QLG&CS ngày 30/9/2021).

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Dự thảo Quyết định để các cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý kiến.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, hỗ trợ thực hiện. 

(Dự thảo Quyết định kèm theo Công văn)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, QLG&CS. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Phương

Số:/2021/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức địa phương;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Thông tư 142/2015/TT-BTC ngày 04/09/2015 của Bộ Tài chính quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ

Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Thông tư 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2021 hướng dẫn một số điều của Nghị Định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 31/2014/TT-BTC ngày 07 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Quảng Trị tại Tờ trình số...../TTr-STC ngày/...../2021 về việc quy định quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định về quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PVP UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, địa phương;
- Trung tâm Thông tin - Công báo (đưa tin);
- Lưu: VT, TM(...).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Ban hành kèm theo Quyết định số/2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Trị

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy định này quy định về công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Bình ổn giá, định giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá, hiệp thương giá, thẩm định giá, phân cấp quản lý nhà nước về giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giá, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ được sử dụng tại bản Quy định này, theo quy định của Luật Giá được hiểu như sau:

1. Định giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cho hàng hóa, dịch vụ.

2. Niêm yết giá là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo công khai bằng các hình thức thích hợp, rõ ràng và không gây nhầm lẫn cho khách hàng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bằng Đồng Việt Nam bằng cách in, dán, ghi giá trên bảng, trên giấy hoặc trên bao bì của hàng hóa hoặc bằng hình thức khác tại nơi giao dịch hoặc nơi chào bán hàng hóa, dịch vụ để thuận tiện cho việc quan sát, nhận biết của khách hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức và làm trung gian cho bên mua và bên bán thương lượng về mức giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ thỏa mãn điều kiện hiệp thương giá theo đề nghị của một trong hai bên hoặc cả hai bên mua, bán hoặc khi có yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Đăng ký giá là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập, phân tích việc hình thành mức giá và gửi biểu mẫu thông báo giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá.

5. Kê khai giá là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kê khai giá.

6. Bình ổn giá là việc Nhà nước áp dụng biện pháp thích hợp về điều hòa cung cầu, tài chính, tiền tệ và biện pháp kinh tế, hành chính cần thiết khác để tác động vào sự hình thành và vận động của giá, không để giá hàng hóa, dịch vụ tăng quá cao hoặc giảm quá thấp bất hợp lý.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá

1. Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giá phù hợp với đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.
2. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá.
3. Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; thẩm định giá tài sản của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được pháp luật quy định.
4. Thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.
5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giá.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, gồm:
 - a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu diezen, dầu mazut.
 - b) Điện bán lẻ.
 - c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
 - d) Phân đạm Urê; phân NPK.
 - đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.
 - e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
 - g) Muối ăn.
 - h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
 - i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện.
 - k) Thóc, gạo tẻ thường.
 - l) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2. Các biện pháp bình ổn giá

Căn cứ các biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan, UBND tỉnh chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

- a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn.
- b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật.
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định.
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn.
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế.
- e) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh kịp thời kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan: niêm yết giá, đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá.

4. Trách nhiệm của các doanh nghiệp

- a) Thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, công bố áp dụng trên địa bàn tỉnh.
- b) Báo cáo chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Đăng ký giá

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá (khoản 1, Điều 5 Quyết định này), tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Văn bản đăng ký giá thực hiện theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục số I Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các trường hợp thực hiện đăng ký giá gồm:

- a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn;
- b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện đăng ký giá bán lẻ;

đ) Việc đăng ký giá bán đối với mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường (không bao gồm nông dân và diêm dân) thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mua trực tiếp muối ăn của diêm dân; thóc, gạo tẻ thường của nông dân thì phải đăng ký giá mua muối ăn của diêm dân; giá mua thóc, gạo tẻ thường của nông dân.

2. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1, Điều 5 Quyết định này;

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1, Điều 5 Quyết định này;

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1, Điều 5 Quyết định này;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, Điều 5 Quyết định này trên địa bàn huyện. Các sở quản lý ngành có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, rà soát.

3. Hàng hóa, dịch vụ khác mà văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 7. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá (Khoản 1 Điều 5 Quyết định này) trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

- e) Dịch vụ tại cảng biển;
- g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;
- h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;
- i) Sách giáo khoa;
- k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;
- l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;
- m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;
- n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
- o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);
- p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;
- q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.”

2. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá

Văn bản kê khai giá thực hiện theo Biểu mẫu quy định tại Phụ lục số IV Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Việc kê khai giá được thực hiện như sau:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1 Điều 7 Quyết định này;
- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 7 Quyết định này;
- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, m khoản 1 Điều 7 Quyết định này;
- Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 7 Quyết định này;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o khoản 1 Điều 7 Quyết định này trên địa bàn huyện.

3. Hàng hóa, dịch vụ khác mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 8. Hiệp thương giá, niêm yết giá

1. Hiệp thương giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Niêm yết giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại cửa hàng, nơi giao dịch mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ; việc niêm yết giá phải rõ ràng, không gây nhầm lẫn cho khách hàng.

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết đúng giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và mua bán đúng giá đã niêm yết.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ tự định giá thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải niêm yết giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và mua bán đúng giá đã niêm yết.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ bằng đồng tiền Việt Nam. Giá niêm yết là giá hàng hóa, dịch vụ đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ đó.

Điều 9. Định giá

1. UBND tỉnh quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Giá các loại đất;

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;

c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt;

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc xây dựng phương án giá:

a) Giá các loại đất (bảng giá đất, phương án giá đất cụ thể): Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước: Sở Tài chính;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở: Sở Xây dựng;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt: Tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch

e) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

g) Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; Sở Tài nguyên và môi trường;

h) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng

bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Tổ chức, đơn vị kinh doanh ngành, lĩnh vực;

i) Giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: UBND các huyện, thị xã, thành phố;

k) Giá dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà; dịch vụ sử dụng cảng và nhà ga do địa phương quản lý: Sở Giao thông vận tải;

l) Giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng;

m) Các loại giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ khác: Trường hợp sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh xây dựng, trình phương án giá để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thì phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá theo quy định tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP; Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; tổng hợp phương án giá gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm định;

b) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan được phân công xây dựng phương án giá hoàn chỉnh phương án giá, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Trường hợp hàng hóa dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định khác về trình tự, quy trình thẩm định phương án giá, thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.”

Điều 10. Thẩm định giá

1. Cơ quan tài chính thực hiện thẩm định giá tài sản hoặc tham gia Hội đồng thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản.

2. Tài sản, hàng hóa, dịch vụ thẩm định giá thực hiện như sau

a) Khi mua sắm một lần có tổng giá trị mua sắm từ 50 triệu đồng trở lên; thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp từ 10 triệu đồng/tháng trở lên thì cơ quan Tài chính thẩm định giá khi nhận được đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước được giao mua, đi thuê tài sản.

b) Khi mua sắm với tài sản, hàng hóa, dịch vụ một lần có tổng giá trị mua sắm dưới 50 triệu đồng; thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp dưới 10 triệu đồng/tháng thì Thủ trưởng cơ quan nhà nước được giao mua, đi thuê tài sản quyết định giá.

3. Sở Tài chính thẩm định giá tài sản hoặc tham gia Hội đồng xác định giá được thành lập theo quy định của pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản cho các cơ quan cấp tỉnh quản lý thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định giá tài sản hoặc tham gia Hội đồng xác định giá được thành lập theo quy định của pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước được giao mua, bán, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản cho các cơ quan thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

5. Trường hợp thẩm định giá thông qua doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan nhà nước được giao mua, bán, sửa chữa, thanh lý, cho thuê, đi thuê tài sản hợp đồng với doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính công nhận, có tên tại thông báo đăng trên Trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

6. Văn bản đề nghị thẩm định giá tài sản phải có các nội dung chính sau đây:

- Tên cơ quan đề nghị thẩm định giá;
- Nội dung đề nghị thẩm định giá;
- Thông tin về tài sản cần thẩm định giá kèm theo tài liệu có liên quan (nhân hiệu, xuất xứ, chất lượng, chủng loại, kích cỡ, năm sản xuất hàng hóa).

7. Trường hợp từ chối thẩm định giá do tài sản, hàng hóa, dịch vụ mang yếu tố đặc thù và bị hạn chế thông tin hoặc không đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 và Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định giá tài sản trả lời bằng văn bản trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thẩm định giá.

Chương III

THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ VỀ QUẢN LÝ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm của UBND tỉnh

1. Thống nhất quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh, công bố và thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn tỉnh.
2. Ban hành các quyết định giá hoặc điều chỉnh giá các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo thẩm quyền.
3. Tổ chức chỉ đạo thực hiện chính sách về giá thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. Chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về giá, xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh. Trình UBND tỉnh quyết định và công bố thi hành các biện pháp bình ổn giá áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng, thẩm định, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng phương án giá, mức giá các tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

3. Thẩm định giá, thông báo mức giá trần hoặc tham gia Hội đồng định giá đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ mua sắm, sửa chữa, thanh lý tài sản. Đối với những tài sản mua sắm hoặc định giá thuộc các đơn vị, doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn nếu có quy định riêng thì thực hiện theo quy định riêng.

4. Tổ chức điều tra chi phí sản xuất, kinh doanh; kiểm soát các yếu tố hình thành giá những hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá.

5. Thông tin, báo cáo tình hình biến động giá những mặt hàng trên địa bàn phục vụ công tác quản lý kinh tế - xã hội.

6. Chủ trì, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc phân công các Sở, ngành, phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; ban hành quy chế, hướng dẫn việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Lập phương án giá tham gia ý kiến vào phương án giá; trình phương án giá theo thẩm quyền. Chấp hành các quy định quản lý Nhà nước về giá, phối hợp với Sở Tài chính trong công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị trước khi mua sắm, sửa chữa tài sản, hàng hoá, dịch vụ từ nguồn ngân sách Nhà nước phải chấp hành việc thẩm định giá, quản lý giá theo các quy định tại Quyết định này.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phải chấp hành đúng các quy định quản lý nhà nước về giá quy định tại Quyết định này.

Điều 14. Thẩm quyền và trách nhiệm của các huyện, thị xã, thành phố

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức chỉ đạo thực hiện các quy định về quản lý giá trên địa bàn thành phố, huyện, thị xã.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định nhà nước về giá đối với các đơn vị, cá nhân trên địa bàn và xử lý vi phạm về giá theo thẩm quyền.

c) Tổ chức thực hiện và phối hợp kiểm tra niêm yết giá trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

a) Tham mưu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các quy định về quản lý giá trên địa bàn.

b) Tham gia phối hợp trong việc xây dựng phương án giá, điều tra, thanh tra giá đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ có hoặc được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thuộc danh mục nhà nước điều hành, quản lý giá tại Quyết định này.

c) Xác định giá, thông báo giá, xác nhận giá phục vụ yêu cầu của pháp luật trên các lĩnh vực theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

d) Báo cáo giá thị trường các loại hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn gửi Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã, thành phố phục vụ công tác quản lý giá.

Điều 15. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động quản lý, điều hành giá sẽ được xem xét đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, điều hành giá thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, khó khăn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.